

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày: 24 - 6 - 2022
“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Tư Lul;
2. Ông Đỗ Trí Thuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2021/TLST – DS, ngày 29 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST – DS, ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) N Việt Nam (Ngân hàng).

Địa chỉ: Số XXX K, quận K, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Việt H. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Gia Lai, Ngân hàng TMCP N Việt Nam. (Theo văn bản ủy quyền: 652/UQ-VCB-PC ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N Việt Nam).

Địa chỉ: XX T, thành phố K, tỉnh Gia Lai.

Bà Đỗ Thị Việt Hằng ủy quyền lại cho ông Hà L - Phó Trưởng Phòng giao dịch S. (Theo Giấy ủy quyền số 169/UQ-NHNT.GL ngày 04/11/2021).

Địa chỉ: XXX V, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch S (Ngân hàng) trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 820/19/NHNT.CS ngày 25/9/2019 ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H đã vay của Ngân hàng số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Thời hạn cho vay là 11 tháng, hạn trả nợ là ngày 25/08/2020. Lãi suất trong hạn 9,5 %/năm, lãi suất quá hạn là 130%/lãi suất cho vay trong hạn. Mục đích vay vốn: Làm kinh tế gia đình (Mua bán hàng nông sản).

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản sau: Thửa đất số 10, tờ bản đồ 72, diện tích 5280 m², địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện S tỉnh Gia Lai, đã được UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 633795 ngày 26/5/2014. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 11/01A/NHNT ngày 01/01/2016, công chứng ngày 01/01/2016 tại phòng Văn công chứng S và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 11/01/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S.

Từ ngày vay cho đến ngày 02/02/2020 ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H đã trả được 6.137.260 đồng (*Sáu triệu một trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*) tiền lãi trong hạn. Sau đó, vào các ngày 26, 27/02/2020 và ngày 26/3/2020 trả được 1.133.836 đồng (*Một triệu một trăm ba mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*) tiền lãi trong hạn. Từ đó cho đến nay ông bà không trả lãi nữa. Đến ngày 25/08/2020 phải trả nợ gốc, ông Đ và bà H không thanh toán số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi còn lại theo đúng theo quy định mà các bên đã ký kết. Vì vậy, toàn bộ số dư nợ gốc không trả đúng hạn theo thỏa thuận sẽ được chuyển nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn.

Ngân hàng đã thông báo về việc quá hạn lãi, yêu cầu ông Đ và bà H phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ cho ngân hàng nhưng ông Đ và bà H vẫn không thực hiện. Đồng thời nhiều lần mời làm việc nhưng ông bà không đến, thể hiện thái độ trốn tránh, không muốn hợp tác, không có thiện chí trong việc trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền sau: Nợ gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 03/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2022 là 48.744.288 đồng (*Bốn mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi tám đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn từ ngày 03/02/2020 đến ngày 24/08/2020 là 9.376.890 đồng (*Chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi đồng*), trừ đi số tiền lãi trong hạn ông Đ và bà H đã trả là 1.133.836 đồng (*Một triệu một trăm ba mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*) còn lại 8.243.054 đồng (*tám triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm năm mươi tư đồng*); nợ lãi quá hạn từ ngày 25/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2022 là 40.744.849 (*Bốn mươi triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*). Tổng cộng 228.987.903

đồng (*Hai trăm hai mươi hai tám triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm linh ba đồng*).

Trường hợp ông Đ và bà H không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2021 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 16/5/2022 bị đơn ông Nguyễn Quang Đ trình bày: Ông công nhận ông và bà Trần Thị H có nợ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch S số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh. Do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn ông bà không còn đủ điều kiện để trả nợ cho ngân hàng. Nay ông đồng ý giao toàn bộ tài sản đã thế chấp cho ngân hàng. Ông đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của TAND huyện Chư Sê vào ngày 17/3/2022 và đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà Trần Thị H nhưng bà H không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của bà Trần Thị H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, ông Nguyễn Quang Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng bị đơn.

Về phần nội dung: Căn cứ các các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157 Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 322, 357, 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự và các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ/2016/UBTVQH14: Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP N Việt Nam, Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch S số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), nợ lãi là 48.987.903 đồng (*Bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm linh ba đồng*). Tổng cộng: 228.987.903 đồng (*Hai trăm hai mươi hai tám triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm linh ba đồng*).

Ngân hàng TMCP N Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP N Việt Nam, Chi nhánh Gia Lai- Phòng giao dịch S có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 633795 theo Hợp đồng thế chấp giữa các bên khi ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H thanh toán hết nợ. Trong trường hợp ông bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP N Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch S có đơn khởi kiện « Tranh chấp Hợp đồng tín dụng » với ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H có địa chỉ tại tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn ông Nguyễn Quang Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Hình thức và nội dung Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 820/19/NHNT.CS ngày 25/9/2019 mà hai bên ký kết phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày các bên xác lập.

Sau khi ký Hợp đồng, ông Đ và bà H đã nhận đủ số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, ông Đ và bà H chỉ mới trả được 7.271.096 đồng (*Bảy triệu hai trăm bảy mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng*) tiền lãi trong hạn. Đến thời hạn thanh toán nợ gốc ngày 25/08/2020, ông Đ và bà H không thanh toán nợ gốc và nợ lãi còn lại. Việc ông Đ và bà H không thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng đã ký kết cho ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 03/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2022 là 48.744.288 đồng (*Bốn mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi tám đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn từ ngày 03/02/2020 đến ngày 24/08/2020 là 9.376.890 đồng (*Chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi đồng*), trừ đi số tiền lãi trong hạn ông Đ và bà H đã trả là 1.133.836 đồng (*Một triệu một trăm ba mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*), còn lại 8.243.054 đồng (*Tám triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm năm mươi tư đồng*); nợ lãi quá hạn từ ngày 25/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2022 là ngày 40.744.849 (*Bốn mươi triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*). Tổng cộng 228. 987.903 đồng (*Hai trăm hai mươi hai tám triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm linh ba đồng*).

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hình thức và nội dung theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 11/01A/NHNT ngày 01/01/2016, công chứng ngày

01/01/2016 tại phòng Văn công chứng S và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 11/01/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S giữa Ngân hàng với ông Đ và bà H phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 Bộ luật Dân sự.

Ngày 17/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Chư Sê đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả như sau: thửa đất nêu trên có ranh giới tứ cận rõ ràng, vị trí thửa đất, tờ bản đồ đất phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 633795. Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ tài sản không có tranh chấp với bên thứ ba nên Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Vậy nên, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho mà ông Đ và bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 633795 khi ông bà thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp ông bà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên để thu hồi nợ theo Điều 299 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[4]. Về chi phí Xem xét thẩm định tại chỗ: ông Đ và bà H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.400.000 đ (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*). Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí này. Do đó, cần buộc ông Đ và bà H có nghĩa vụ thanh toán lại 3.400.000 đ (*ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) cho Ngân hàng, phù hợp với Điều 155, 156, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 322, 357, 463, 466, 467, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch S số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 03/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm

24/6/2022 là 48.987.903 đồng (*Bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm linh ba đồng*). Tổng cộng: 228. 987.903 đồng (*Hai trăm hai mươi hai tám triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm linh ba đồng*).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. (Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay) .

2. Ngân hàng TMCP N Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch S có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 633795 khi ông Đ và bà H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

3. Trường hợp ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 11/01A/NHNT ngày 01/01/2016, công chứng ngày 01/01/2016 tại phòng Văn công chứng Chư Sê và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 11/01/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S giữa Ngân hàng với ông Đ và bà H để thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H phải thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch S chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.400.000 đ (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 11.449.395 đồng (*Mười một triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng*) [(228.987.903 đồng x 5%)] để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.806.568 đồng (*Bốn triệu tám trăm lẻ sáu nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0005094 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Chư Sê;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Dậu